

# ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP CỦA NƯỚC NGOÀI VÀO VIỆT NAM

## MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐANG ĐẶT RA

NGUYỄN CẢNH HUỆ\*

Qua 17 năm (1987-2004) thực hiện Luật đầu tư nước ngoài, nước ta đã thu được thành tựu quan trọng trong việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, phục vụ công cuộc xây dựng, đổi mới đất nước. Đầu tư nước ngoài đã góp phần xứng đáng vào việc tạo nên những thành tựu to lớn về kinh tế - xã hội của đất nước trong thời gian qua. Mặc dầu vậy, trong lĩnh vực này vẫn còn không ít vấn đề đang đặt ra - những hạn chế, cản trở đang làm kém sự hấp dẫn và hiệu quả đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Bài viết của chúng tôi sau khi điểu qua tình hình đầu tư nước ngoài vào nước ta trong thời gian qua sẽ nêu lên một số nhận thức của mình về những vấn đề đang đặt ra hiện nay.

### I. VỀ TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

1. Tính đến cuối tháng 10-2004, Chính phủ Việt Nam đã cấp giấy phép cho 5.995 dự án đầu tư nước ngoài với tổng số vốn đăng ký 56,9 tỷ USD, trong đó có 4.965 dự án còn hiệu lực với số vốn đầu tư là 44,76 tỷ USD.

*Về nhịp độ đầu tư:* Từ 1987-1996, đầu tư nước ngoài vào nước ta liên tục tăng cả về số lượng dự án và vốn đầu tư. Nguyên nhân của tình hình này là sức hấp dẫn

của thị trường mới mở với trên 70 triệu dân, giá nhân công rẻ cùng các yếu tố thuận lợi khác (gia nhập ASEAN, thiết lập quan hệ ngoại giao với Hoa Kỳ, khai thông quan hệ với các tổ chức tài chính quốc tế, bắt đầu triển khai tiến trình hội nhập...).

Từ 1997-1999, đầu tư nước ngoài vào nước ta giảm sút, trung bình 24%/năm. Nguyên nhân là cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ trong khu vực và môi trường nước ta còn nhiều hạn chế.

Từ năm 2000 đến nay, đầu tư nước ngoài vào nước ta có dấu hiệu phục hồi, nhất là từ đầu năm 2004 đến nay. Tính chung, tổng vốn đăng ký của dự án cấp mới và dự án tăng vốn trong 10 tháng đầu năm 2004 đạt 3.236,9 triệu USD, tăng 35,9% so với cùng kỳ năm 2003 và bằng 95% kế hoạch năm 2004; Dự kiến năm 2004, Việt Nam sẽ thu hút được khoảng 4 tỷ USD, đứng hàng thứ 3 trong khu vực Đông Nam Á về thu hút vốn đầu tư nước ngoài trong năm. Nguyên nhân chủ yếu của sự phục hồi của đầu tư nước ngoài trong thời gian gần đây là do môi trường đầu tư của nước ta ngày càng được cải thiện, những nước bị khủng hoảng kinh tế đang dần dần phục hồi.

---

\* TS. Viện Sử học.

*Về cơ cấu ngành đầu tư:* Lĩnh vực công nghiệp và xây dựng chiếm tỷ trọng lớn nhất, chiếm 67% về số dự án và 57,8% tổng vốn đầu tư đăng ký. Tiếp theo là lĩnh vực dịch vụ, chiếm 19,2% về số dự án và 34,7% số vốn đăng ký; Lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp chiếm 13,7% về số dự án và 7,5% vốn đăng ký.

*Về hình thức đầu tư:* Hình thức 100% vốn nước ngoài chiếm 71,7% về số dự án và 45,7% về tổng vốn đăng ký; Hình thức liên doanh chiếm 24,5% về số dự án và 42,6% tổng vốn đăng ký; Còn lại thuộc lĩnh vực hợp tác kinh doanh và BOT.

*Về nước đầu tư:* Trong số 66 nước và vùng lãnh thổ đầu tư trực tiếp tại Việt Nam, các nước châu Á chiếm trên 76% số dự án và trên 70% vốn đăng ký; Các nước châu Âu chiếm gần 16% số dự án và gần 24% vốn đăng ký; Hoa Kỳ chiếm 4,2% số dự án và 2,8% vốn đăng ký; Còn lại là các nước ở khu vực khác. Năm nước và vùng lãnh thổ đứng đầu về đầu tư ở nước ta là: Singgapo, Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc và Hồng Kông đã chiếm 63,4% về số dự án và 62,2% tổng vốn đăng ký.

*Về địa bàn đầu tư:* Các thành phố lớn có điều kiện kinh tế - xã hội thuận lợi thuộc các vùng kinh tế trọng điểm vẫn là những nơi dẫn đầu về thu hút đầu tư nước ngoài như: Tp. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu, Hải Phòng. Riêng vùng kinh tế trọng điểm phía Nam (Tp. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương và Bà Rịa - Vũng Tàu) chiếm 56,1% tổng vốn đầu tư nước ngoài; Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc (Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Vĩnh Phúc, Quảng Ninh) chiếm 25,2% tổng vốn đầu tư nước ngoài của cả nước (1).

2. Như vậy, cho đến nay, đã có gần 6.000 dự án với gần 60 tỷ USD đầu tư nước ngoài

trải rộng trên nhiều tỉnh, thành phố của Việt Nam và bao quát hầu khắp các ngành kinh tế Việt Nam. Đầu tư của nước ngoài vào Việt Nam trong những năm qua đã góp phần quan trọng vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam. Đó là: đầu tư nước ngoài đã bổ sung một nguồn vốn đáng kể cho đầu tư phát triển, góp phần khai thác và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực trong nước; Tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận và mở rộng thị trường quốc tế, nâng cao năng lực xuất khẩu; Góp phần thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hiện đại hoá nền công nghệ, kỹ thuật, rút ngắn khoảng cách về trình độ công nghệ, kỹ thuật giữa nước ta với các nước trong khu vực và trên thế giới; Tạo thêm nhiều việc làm, xoá đói giảm nghèo, tăng thu nhập cho một bộ phận đáng kể người lao động; Góp phần đào tạo nguồn nhân lực - đội ngũ công nhân lành nghề, đội ngũ cán bộ quản lý có kinh nghiệm theo cơ chế mới; Mở rộng quan hệ đối ngoại, tạo điều kiện để Việt Nam chủ động hội nhập sâu hơn nữa vào nền kinh tế khu vực và thế giới. Đó là những thành tựu và ý nghĩa to lớn của đầu tư nước ngoài vào nước ta trong những năm qua.

Đầu tư nước ngoài vào nước ta đang có nhiều cơ hội thuận lợi để tăng trưởng trong thời gian tới. Những cơ sở đó là: Môi trường đầu tư ngày càng thông thoáng; Việt Nam có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, vị trí quốc tế thuận lợi và nằm trong khu vực có nền kinh tế phát triển năng động nhất thế giới trong mấy thập niên trở lại đây, còn nhiều "khoảng trống" về đầu tư nước ngoài, nguồn lao động dồi dào và rẻ; Những thành tựu và kinh nghiệm mà các nhà đầu tư nước ngoài đã đạt được ở Việt Nam; Hình ảnh nước ta được cải thiện nhiều hơn trong con mắt bạn bè thế giới, đặc biệt chúng ta đã tổ chức thành công

Hội nghị ASEM-V và đang chuẩn bị tích cực cho việc gia nhập WTrO vào năm 2005... cho thấy một triển vọng tốt đẹp hơn từ đầu tư nước ngoài.

## II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐANG ĐẶT RA

### 1. Về phía Việt Nam

*Thứ nhất:* Môi trường đầu tư của Việt Nam còn nhiều hạn chế. Đó là về các lĩnh vực như: luật pháp, cơ chế chính sách, cơ sở hạ tầng, nạn buôn lậu, hàng giả, hàng nhái, hệ thống công nghiệp hỗ trợ...

Về luật pháp, cơ chế chính sách, mặc dù trong những năm qua, luật đầu tư nước ngoài của Việt Nam đã được sửa đổi nhiều theo hướng ngày càng thông thoáng, thuận lợi cho đầu tư nước ngoài nhưng không ít nhà đầu tư vẫn còn băn khoăn, than phiền về tình trạng thiếu tính hệ thống, ổn định, minh bạch và khả thi của luật pháp.

Bộ máy hành chính - tổ chức quản lý của ta còn rườm rà, nhiều khi chồng chéo nhau. Trong khi đó, sự hợp tác giữa các bộ, ngành, địa phương còn kém hiệu quả. Thủ tục đầu tư, đặc biệt là thủ tục triển khai dự án vẫn còn phức tạp. Nhiều chuyên gia về đầu tư nước ngoài vẫn chưa hài lòng về môi trường đầu tư nước ngoài của Việt Nam. Theo điều tra của Tổ chức xúc tiến thương mại Nhật Bản năm 2003 thì 42% doanh nghiệp Nhật Bản được hỏi đều trả lời rằng, khó khăn nhất của họ tại Việt Nam là thủ tục hành chính, trong khi đó con số này ở Thái Lan là 12%, Indônêxia là 22% (2).

Cơ sở hạ tầng (đường sá, cầu cống...) còn yếu kém, ô nhiễm môi trường (do bụi, khói xe, nước thải, rác thải công nghiệp...); Tình trạng tắc đường giao thông; Nhà ở cho công nhân còn thiếu thốn và trở thành vấn đề bức xúc hiện nay, nhất là ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương - những nơi thu hút nhiều dự án đầu tư mà công nhân

phần lớn từ tỉnh ngoài về làm việc, không có nhà ở... đang gây trở ngại trong việc thu hút và triển khai các dự án đầu tư nước ngoài vào Việt Nam.

Hệ thống công nghiệp hỗ trợ của ta còn yếu làm cho chi phí kinh doanh cao. Đây là một trong những nguyên nhân làm kém sức hấp dẫn thu hút đầu tư nước ngoài vào nước ta. Bởi vì khi công nghiệp hỗ trợ phát triển thì sẽ giảm được chi phí, hạ giá thành sản phẩm do không phải đi xa để mua thiết bị, phụ tùng; không phải chi phí cho công việc quản lý, kho bãi lưu giữ... Trung Quốc là nước rất chú ý phát triển lĩnh vực này. Ông Trưởng đại diện Mitsui & Co.ltd Tamia Hashimôtô (Nhật Bản) nói: Một trong những nhược điểm chính của Việt Nam là sự kém phát triển của các ngành công nghiệp hỗ trợ. Tại Quảng Châu (Trung Quốc), công nghiệp sản xuất các linh kiện phụ tùng để cung cấp cho các nhà sản xuất hàng điện tử phát triển đến mức mà nhà máy lắp ráp có thể mua đến 90% phụ tùng tại chỗ. Trong khi đó, ở Việt Nam thì nhà máy lắp ráp nhập khẩu chiếm hơn 80%. Ông Kôichirô Asada - Tổng giám đốc văn phòng đại diện tập đoàn Sumorômô, Chủ tịch hội doanh nghiệp Nhật Bản tại thành phố Hồ Chí Minh bổ sung: Mức chi phí cơ sở hạ tầng của Việt Nam hiện vẫn quá cao so với Trung Quốc và các nước ASEAN khác, nhất là cước viễn thông. Đối với doanh nghiệp, hạ giá thành sản phẩm là yếu tố sống còn trong cạnh tranh. Chi phí cao như vậy thì không thể hạ được giá thành... (3). Các chuyên gia kinh tế cũng cho rằng, trước đây, các yếu tố như: giá nhân công rẻ, nguồn tài nguyên phong phú... là những yếu tố quan trọng thu hút FDI, thì nay, nếu chỉ dựa những yếu tố trên thì chưa đủ mà phải tạo lập một môi trường pháp lý thuận lợi, đặc biệt cần có chi phí kinh doanh thấp.

Nạn buôn lậu, hàng giả, hàng nhái ở nước ta còn phổ biến trong khi chúng ta chưa có những biện pháp ngăn chặn thật hiệu quả. Hàng lậu, hàng giả, hàng nhái với giá rẻ tràn ngập thị trường không những có hại đến sức khoẻ nhân dân, đến tâm lý nhà sản xuất và người tiêu dùng, đến sự phát triển bền vững của nền kinh tế - xã hội mà còn làm nản lòng các nhà đầu tư nước ngoài khi họ có ý định đầu tư vào sản xuất một sản phẩm gì đó.

Hơn nữa, cho đến nay, Việt Nam chưa tham gia vào WTrO nên không được hưởng những quy chế ưu đãi của Tổ chức này về đầu tư và thương mại sẽ góp phần làm giảm tính hấp dẫn của môi trường đầu tư Việt Nam.

#### *Thứ hai: Về nguồn nhân lực.*

Có thể nói, hiện nay nước ta đang thiếu một đội ngũ lao động có trình độ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của đầu tư nước ngoài cũng như để cạnh tranh với các nước trong khu vực. Điều đó đã hạn chế việc tiếp thu kỹ thuật và công nghệ hiện đại. Nếu tình hình này không sớm được khắc phục, tích cực đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao thì nước ta không những khó thu hút những dự án đầu tư có trình độ công nghệ cao, hiện đại mà còn khó cạnh tranh nổi với Trung Quốc cùng nhiều nước ASEAN trong việc thu hút đầu tư nước ngoài trong những năm tới. Có nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, Việt Nam ngày càng mất dần những ưu thế như nguồn nhân lực dồi dào, rẻ, tài nguyên phong phú trước sự cạnh tranh quyết liệt của Trung Quốc và một số nước khác trong ASEAN - những nước có cùng lợi thế với nước ta trong khi họ còn có những ưu thế khác, chẳng hạn họ là thành viên của WTrO. Khi đã mất dần những lợi thế trên thì vấn đề nguồn nhân lực có trình độ cao ngày càng trở nên quan trọng. Đây

là yếu tố bảo đảm sự bền vững lâu dài trong việc thu hút đầu tư nước ngoài nói riêng và sự nghiệp hiện đại hoá, công nghiệp hoá của nước ta nói chung.

Thêm vào đó, trình độ của một bộ phận cán bộ của ta tham gia quản lý các dự án liên doanh còn nhiều yếu kém, chưa có nhiều kinh nghiệm về lĩnh vực này, lại mắc tệ tham ô, hối lộ đã phần nào làm nản lòng các nhà đầu tư cũng như góp phần làm giảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư nước ngoài.

*Thứ ba: Thiếu một quy hoạch dài hạn về tiếp nhận đầu tư nước ngoài.*

Qua việc tiếp nhận đầu tư nước ngoài trong thời gian qua, chúng tôi cảm nhận rằng nước ta còn thiếu một quy hoạch dài hạn hay là một chiến lược lâu dài về đầu tư nói chung và tiếp nhận đầu tư nước ngoài nói riêng. Thiếu quy hoạch sẽ khó tránh khỏi đầu tư dàn trải, trùng lặp và để lại những hậu quả khó khắc phục về sau. Hiện nay, có thể nói, có một phong trào là các tỉnh, địa phương đang "trải thảm đỏ" kêu gọi đầu tư nước ngoài. Để thu hút đầu tư nước ngoài, một số địa phương đã vượt quá thẩm quyền của mình, ưu đãi quá mức nhà đầu tư làm tổn hại tới quyền lợi của địa phương và đất nước, làm rối môi trường đầu tư chung của cả nước, đưa đến tình trạng chông chéo nhau, dàn trải trong việc tiếp nhận các dự án và các địa phương không bổ sung được cho nhau.

*Thứ tư: Cuộc cạnh tranh gay gắt giữa Việt Nam với các nước trong việc thu hút đầu tư nước ngoài.*

Hiện nay, nhiều nước, nhất là những nước gần nước ta như: Trung Quốc, các nước thành viên ASEAN khác đang là đối thủ cạnh tranh với Việt Nam trong việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Trong cuộc

ạnh tranh này, Trung Quốc, nhiều nước thành viên ASEAN một mặt, có những thế mạnh tương tự như nước ta (lao động dồi dào với giá nhân công rẻ, tài nguyên phong phú...); mặt khác, có ưu thế hơn hẳn ta (về cơ sở hạ tầng, công nghiệp hỗ trợ, kinh nghiệm trong việc quảng bá, kêu gọi đầu tư...).

*Thứ năm:* Tình trạng mất đất nông nghiệp diễn ra nhanh chóng. Tuy chúng tôi chưa có số liệu thống kê về tình trạng mất đất nông nghiệp của nước ta trong thời gian qua nhưng tình hình này đang diễn ra rất nhanh cùng với quá trình đẩy mạnh xây dựng các dự án đầu tư nói chung và đầu tư nước ngoài nói riêng. Để thu hút đầu tư, nhiều vùng đất nông nghiệp trồng lúa, tốt, thuận tiện giao thông được phép san lấp để xây dựng các nhà máy, xí nghiệp. Hậu quả của điều này là đất nông nghiệp bị giảm nghiêm trọng, nhất là những vùng đất màu mỡ, có nguy cơ đe dọa đến an ninh lương thực của đất nước và một bộ phận lớn nông dân bị mất việc làm, phát sinh nhiều hiện tượng tiêu cực của xã hội. Biết rằng quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá là tất yếu và một bộ phận đất bị biến thành nhà máy, xí nghiệp... nhưng tình hình như hiện nay thật làm chúng ta lo lắng. Thiết nghĩ, đây là một vấn đề mà các cấp chính quyền ở trung ương và địa phương cần thiết, có thể điều chỉnh, tránh hậu quả về sau.

*Thứ sáu:* Việc quảng bá, giới thiệu về môi trường, tiềm năng đầu tư của Việt Nam với nước ngoài. Đây là một công việc rất cần thiết để các doanh nghiệp nước ngoài hiểu về tiềm năng, môi trường đầu tư của nước ta từ đó, có thể thu hút đầu tư từ họ. Nhưng vấn đề này trong thời gian qua chưa được chúng ta chú ý đúng mức làm giảm đi phần nào sức hấp dẫn của Việt

Nam đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Ông Oliver Schnakenberg - Tham tán Đại sứ quán Đức tại Việt Nam nói: Với sự thiếu hụt này, Việt Nam đã đánh mất cơ hội tự giới thiệu mình với các nhà đầu tư (4).

## 2. Về phía đối tác

*Thứ nhất:* Hiệu quả của hoạt động đầu tư chưa cao.

Thể hiện trước hết của điều này là, vẫn còn khá phổ biến hiện tượng rút giấy phép, hủy bỏ hợp đồng đầu tư, kinh doanh thua lỗ.

Tình trạng rút giấy phép còn khá phổ biến. Trong ba năm 1988-1990, số dự án FDI bị rút giấy phép bình quân 2 dự án/năm; Giai đoạn 1991-1995, con số này tăng lên bình quân 47 dự án/năm; Giai đoạn 1996-2000 là 80 dự án/năm; Giai đoạn 2001-2002 tăng lên tới 95 dự án/năm. Đi liền với sự tăng lên của số dự án bị rút giấy phép, số vốn đầu tư bị rút xuống cũng tăng lên qua từng giai đoạn. Tổng số vốn bị rút giấy phép trong giai đoạn 1988-2002 là 10 tỷ USD (5). Năm 2003, tại thành phố Hồ Chí Minh, có khoảng 80% số dự án đăng ký bị giải thể hoặc rút giấy phép, con số này ở Hà Nội là khoảng 30% (6). Nguyên nhân chính của tình hình này có thể do môi trường đầu tư của Việt Nam còn những hạn chế như đã nêu ở trên trong khi các nước láng giềng như Trung Quốc, ASEAN đang ra sức thu hút đầu tư nước ngoài.

Về kinh doanh thua lỗ: Từ năm 1988 đến 2003, có 888 dự án bị giải thể trước thời hạn, trong đó, hầu hết là các dự án kinh doanh thua lỗ. Còn nữa, tính đến hết năm 2002, trong số 2.250 dự án đầu tư nước ngoài vào Việt Nam đã kết thúc giai đoạn xây dựng cơ bản đang đi vào sản xuất kinh doanh thì có 536 dự án có lãi (chiếm 29%) với tổng số lãi khoảng 8.500 triệu

USD, còn lại là dự án thua lỗ (1.714 dự án, chiếm 76% số dự án) với tổng số tiền lỗ là 6.426 triệu USD (7). Thiết nghĩ, đây là một câu hỏi đặt ra và phải có câu trả lời cùng biện pháp khắc phục đối với các nhà quản lý, nghiên cứu Việt Nam.

*Thứ hai:* Vấn đề chuyển giao công nghệ thông qua dự án đầu tư.

Thông qua các dự án đầu tư, chuyển giao công nghệ, nước ta có thể hiện đại hoá nền công nghệ - kỹ thuật nước mình. Tuy nhiên, trong những năm qua, vẫn còn những hiện tượng nhập, chuyển giao vào nước ta những công nghệ đã mất tính cạnh tranh trên thị trường thế giới. Hậu quả của việc nhập hay chuyển giao những công nghệ lạc hậu, mất tính cạnh tranh không những gây ô nhiễm môi trường, nguy cơ biến nước ta thành "bãi rác thải công nghiệp" như nhiều người đã cảnh báo.

*Thứ ba:* Về vấn đề chuyển mục đích đầu tư, trong thời gian qua, có hiện tượng phía nước ngoài trong công ty liên doanh cố tình hoạt động thua lỗ làm cho phía Việt Nam do đóng góp ít vốn, không theo được và

buộc phải để cho công ty liên doanh biến thành công ty có 100% vốn nước ngoài. Có thể coi đây là một hiện tượng không lành mạnh trong đầu tư nước ngoài vào Việt Nam mà chúng ta phải có những biện pháp để hạn chế tình trạng này nếu không lần lượt sẽ có nhiều công ty liên doanh biến thành công ty có 100% vốn nước ngoài.

*Thứ tư:* Vẫn thường xảy ra những xung đột giữa chủ và thợ trong một số xí nghiệp, công ty có vốn đầu tư nước ngoài, như công ty của Hàn Quốc, Đài Loan... Nguyên nhân của tình hình này có thể do hai bên chưa hiểu về phong tục, tập quán, ngôn ngữ... của nhau hoặc do một số chủ đầu tư chưa giải quyết tốt chế độ cho người lao động Việt Nam.

Trên đây, chúng tôi trình bày một cách khái quát về tình hình đầu tư của nước ngoài vào Việt Nam và một số vấn đề đang đặt ra hiện nay. Nếu những vấn đề đó được khắc phục tốt sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc thu hút đầu tư nước ngoài vào nước ta, góp phần tích cực và đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá của đất nước.

## CHÚ THÍCH

(1). Xem Thông tin tư liệu - TTXVN ngày 6-8-2003, 2-11-2004.

(2). Xem Báo *Tin tức* số ra từ ngày 22 đến 29-10-2003.

(3). Xem Báo *Đầu tư* số ra ngày 22-4-2003, tr. 8.

(4). Xem Báo *Đầu tư* số ra ngày 24-11-2003.

(5). Xem Phan Thế Vinh. *Rút giấy phép của các dự án FDI- Diễn biến, nguyên nhân và giải pháp*. Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 5-2003, tr. 9, 10.

(6). Xem TLTKĐB, 10-4-2004, tr. 2.

(7). Xem Nguyễn Thị Thơm. *Đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam 16 năm qua*. Tạp chí Lý luận chính trị, số 1-2004, tr. 56.